

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG
THỨC THỨC PHẠM VINH LONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

MỤC LỤC

Trang

1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 48
8.	Phụ lục	49

BÀO CẢO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vinh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khai quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vinh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 24 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : (070) 3.822.512
- Fax : (070) 3.823.773

Các đơn vị trực thuộc :

Tên Địa chỉ
Xi nghiệp Tam Bình Số 18A, tổ 7, ấp Mỹ Phú 5, xã Tuồng Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
Xi nghiệp Mỹ Thới Tổ 7, khóm Thành An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn gạo;
- Người trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đầu tư;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn sản phẩm thuộc là, thuộc lao;
- Bán lẻ sản phẩm thuộc là, thuộc lao trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015
Ông Cao Minh Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014
Bà Đình Thị Lan Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2016
Ông Đoàn Minh Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Văn Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Minh Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2010

Đại diện pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014).

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 06 tháng 9 năm 2016



Cơ sở đưa ra kết luận ngoài trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.5, Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-BT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-BT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-BT-TCCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-BT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-BT ngày 22/6/2010 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam và hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2016, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kính gửi: CÁC CƠ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số: 129CT/2016/BCTC-KTTV

Headquarters : 02 Trung Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

**BAKER TILLY
A&C**



Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần bia Sài Gòn – Vinh Long. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng tích lập dự phòng tồn thất (nếu có) đối với khoản đầu tư tài chính nêu trên của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ. Xem chi tiết giá trị các khoản đầu tư tài chính nêu trên tại thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ V.2b.

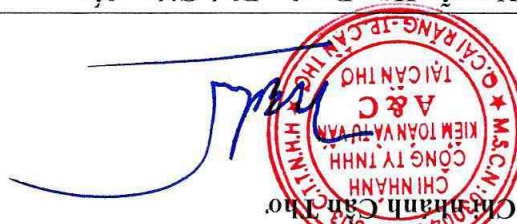
Kết luận ngoài trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoài trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhân mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về khoản lỗ thuần 17.080.859.466 VND của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt qua tổng tài sản của Công ty là 20.687.025.961 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VIII.7, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hữu Danh - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU		Ma	Số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Thuyết	minh		
A - TÀI SẢN NGÂN HẠN					
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	110	3.030.660.781	4.535.423.688
1.	Tiền		111	3.030.660.781	1.235.423.688
2.	Các khoản tương đương tiền		112	-	3.300.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	1.240.500	1.240.500
1.	Chứng khoán kinh doanh	V.2a	121	11.250.882	11.250.882
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2a	122	(10.010.382)	(10.010.382)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		130	79.222.624.590	80.751.795.739
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	131	117.109.725.957	120.430.378.250
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	132	5.101.595.890	5.101.595.890
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	V.5	136	34.278.213.661	34.200.354.938
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	137	(77.266.910.918)	(78.980.533.339)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý		139	-	-
IV.	Hàng tồn kho		140	3.240.487.081	1.869.314.222
1.	Hàng tồn kho	V.7	141	3.240.487.081	3.822.565.500
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	V.7	149	-	(1.953.251.278)
V.	Tài sản ngắn hạn khác		150	1.342.760.621	1.449.683.739
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	151	94.000.000	94.000.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	167.334.473	319.531.847
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	1.081.426.148	1.036.151.892
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác		155	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã Thuyết	Số	
		cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN			
I. Các khoản phải thu dài hạn		210	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219	-
II. Tài sản cố định		220	65.815.369,258
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	221	49.828.810,637
- Nguyên giá		222	118.326.895,698
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(68.498.085,061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	-
- Nguyên giá		225	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		226	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	227	15.986,558,621
- Nguyên giá		228	16.224,611,975
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(238,053,354)
III. Bất động sản đầu tư		230	-
- Nguyên giá		231	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		232	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240	300.000,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	242	300.000,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	16.569,188,298
1. Đầu tư vào công ty con	V.2b	251	9.470,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	252	5.250,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2b	253	4.000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	254	(2.150,811,702)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260	6.611,042,700
1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	261	1.112,584,638
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.12	262	5.498,458,062
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263	-
4. Tài sản dài hạn khác		268	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	176.133,373,829
			187,559,243,069

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẨM VINH LONG
 Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP.Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIÊU		Mã	Số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Thuyết	minh		
C - NỢ PHẢI TRẢ					
1.	Nợ ngắn hạn	310	196.820.399.790	190.900.203.738	
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	36.540.000	295.000	
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.601.284.000	64.700.000	
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.948.931	415.222.862	
4.	Phải trả người lao động	314	659.886.846	858.120.000	
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19.904.122.034	11.494.942.528	
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-	
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-	
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-	
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	417.516.000	417.516.000	
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	171.134.569.975	177.599.875.344	
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-	
12.	Quy khen thưởng, phúc lợi	322	49.532.004	49.532.004	
13.	Quy bình ổn giá	323	-	-	
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-	
II. Nợ dài hạn					
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	
7.	Phải trả dài hạn khác	337	-	-	
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	681.482.899	946.688.725	
13.	Quy phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	
			681.482.899	946.688.725	



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mã Thuyết số minh
Số cuối kỳ
Số đầu năm

CHI TIẾT

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	(21.368.508.860)	(4.287.649.394)
I. Vốn chủ sở hữu				
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	410	(21.368.508.860)	(4.287.649.394)
		411	119.599.820.000	119.599.820.000
		V.21	119.599.820.000	119.599.820.000
		411a	119.599.820.000	119.599.820.000
		411b	-	-
		412	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	413	-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	414	-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	415	-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	416	-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	417	-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	418	37.281.400.080	37.281.400.080
		V.21	37.281.400.080	37.281.400.080
8.	Quỹ đầu tư phát triển	419	-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	420	-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	421	-	-
		V.21	(178.249.728.940)	(161.168.869.474)
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a	(161.168.869.474)	(161.168.869.474)
			(17.080.859.466)	(17.080.859.466)
		421b	-	-
		422	-	-
12.	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản	430	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
1.	Nguồn kinh phí	431	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	176.133.373.829	187.559.243.069

Vinh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2016



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị tính: VND)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã Thu yết số minh số
 Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
 Năm nay Năm trước

CHI TIẾT	Mã Thu yết số minh số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10.513.898.823	128.718.329.850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	10.513.898.823	128.718.329.850
4. Giá vốn hàng bán	11	10.608.575.455	122.509.449.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(94.676.632)	6.208.880.318
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.199.289.744	3.881.724.545
7. Chi phí tài chính	22	10.824.124.437	13.940.798.320
Trong đó: chi phí lãi vay	23	8.892.909.341	12.624.555.238
8. Chi phí bán hàng	25	609.039.503	8.531.921.666
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.078.443.045	30.319.352.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(16.406.993.873)	(42.701.467.431)
11. Thu nhập khác	31	6.308.060	2.423.111.415
12. Chi phí khác	32	71.982.565	28.855.373.270
13. Lợi nhuận khác	40	(65.674.505)	(26.432.261.855)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(16.472.668.378)	(69.133.729.286)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	608.191.088	27.282.466
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(17.080.859.466)	(69.161.011.752)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
 Người lập
 Phan Ngọc Bình
 Kế toán trưởng
 Trần Thanh Hùng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã Thuyết số minh
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Năm trước

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

01 Lợi nhuận trước thuế (16.472.668,378) (69.133.729,286)

02 Điều chỉnh cho các khoản: V.9, V.10 3.696.555,461 6.747.279,581

03 Các khoản dự phòng (4.541.218,537) 19.524.208,890

04 Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại 29.214,361 398.383,495

05 Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (1.845.739,904) 23.800.369,088

06 Chi phí lãi vay 8.892.909,341 12.624.555,238

07 Các khoản điều chỉnh khác - -

08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (10.240.947,656) (6.038.932,994)

09 Trước thay đổi vốn lưu động 3.349.716,688 (7.120.610,675)

10 Tăng, giảm hàng tồn kho 582.078,419 (63.297,416,649)

11 Tăng, giảm các khoản phải trả 2.185.478,279 14.438.151,815

12 Tăng, giảm chi phí trả trước (809.490,121) 1.025.901,591

13 Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh - -

14 Tiền lãi vay đã trả (483.729,835) (10.701.218,271)

15 Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp - -

16 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh - -

17 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (92.000,000) (71.786.125,183)

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

01 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và

02 các tài sản dài hạn khác V.11 (300.000,000) -

03 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và

04 các tài sản dài hạn khác 1.364.114,545 57.039.504,546

05 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của

06 đơn vị khác - -

07 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của

08 đơn vị khác - -

09 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

10 24 - -

11 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

12 25 - -

13 26 V.2b 7.500.000,000 -

14 27 V1.3 1.842.536,504 2.797.663,055

15 30 10.406.651,049 59.837.167,601

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)


Mã Thu yết số minh
 Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
 Năm nay Năm trước

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.19a	2.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(8.494.870.469)
5.	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.494.870.469)
				<u>17.645.164.646</u>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.505.113.646)
				<u>5.696.207.064</u>
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.535.423.688
				<u>10.136.755.309</u>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		350.739
				<u>594.095</u>
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.030.660.781
				<u>15.833.556.468</u>

Vinh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2016


 Phan Ngọc Bình
 Kế toán trưởng
 Trần Thanh Hùng
 Tổng Giám đốc



 Phạm Thị Cẩm Nhung
 Người lập

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Lương Thức Phạm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất – thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên bán; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 19 tháng 5 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã thông nhất thể chấp toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim để vay vốn hoạt động với hạn mức 19.000.000.000 VND. Do đó, trong thời gian tới tình hình tài chính của Công ty sẽ có tiến triển tốt hơn.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận hủy niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chính thức vào ngày 05 tháng 5 năm 2016 (Mã chứng khoán VLF), theo Quyết định số 146/QĐ-SGDHCHM ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, với số lượng cổ phiếu bị hủy niêm yết là 11.959.982 cổ phiếu và tổng giá trị niêm yết bị hủy là 119.599.820.000 VND.

6. Cầu trúc Công ty

Công ty con
Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Lương Thức Kiên Nông có trụ sở chính tại tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là kinh doanh lương thực, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 60%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trụ sở chính tại 26 đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh theo hệ thống chuỗi siêu thị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 26,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có.

8.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 53 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

II.

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III.

CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá kỳ kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khoản hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).

3.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.

Các khoản đầu tư tài chính

Chương khoản kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chương khoản kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chương khoản kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chương khoản kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chương khoản kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chương khoản kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chương khoản nắm giữ: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giữa giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Có phiếu hoàn đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp đổi thì trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch của trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp đổi sản phẩm giao dịch của trên sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán hay sản phẩm giao dịch của trên sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính. Trường hợp chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân giá trị hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân giá trị di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu

tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết
Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bao gồm các khoản đầu tư công ty con và công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chỉ phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết cần phải lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phần ảnh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu qua hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa qua hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thập hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chung.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế trong tương lai được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 9 tháng).

8.

Tài sản thuê hoạt động

Thuế tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi nhận bàn đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này khác hẳn tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lợi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như hình sau:

Năm nay	
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

10.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lợi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chiung trình phân mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phần ảnh hưởng các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phần ảnh hưởng các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phần ảnh hưởng các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phần ảnh hưởng các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán dựa trên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phần ảnh hưởng danh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phải phải lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trên lại

Trên lại được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (tên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mức đích định trước hoặc bản thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18.

Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được hưởng lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Số cuối kỳ	Số đầu năm
67.783.430	131.147.200
2.962.877.351	1.104.276.488
-	3.300.000.000
-	3.300.000.000
3.030.660.781	4.535.423.688

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Số cuối kỳ	Số đầu năm
11.250.882	11.250.882
1.240.500	1.240.500
(10.010.382)	(10.010.382)

Công ty cổ phần
Chứng khoán Bảo Việt

8.162.500

714.000

(7.448.500)

8.162.500

714.000

(7.448.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA MIỀN ĐÔNG

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ).

(iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long (số đầu năm là 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ).

(iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 250.000 cổ phiếu, tương đương 2,86% vốn điều lệ của Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 5,72% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết
Công ty TNHH Lương Thức Kiên Nông hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
2.759.950.714	(2.393.315.471)
-	(154.941.564)
609.139.012	(2.548.257.035)
Số cuối kỳ	Số cuối kỳ

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết
Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch nhân lợi nhuận từ Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long là công ty liên kết với số tiền 1.542.535.004 VND (cùng kỳ năm trước là 2.600.000.000 VND).

Khóa đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp
Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty cổ phần Dầu tư và Phát triển Nguyễn Kim.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
90.761.059.251	98.570.404.619
26.348.666.706	21.859.973.631
-	241.840.368
Phải thu các bên liên quan	Phải thu các bên liên quan
Công ty cổ phần Docimexco	Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam
Các khách hàng khác	Các khách hàng khác
Cộng	Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TẠI CHỖ CHỈNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2016 có giá trị 90.761.059,251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nam - Chi nhánh Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2016 có giá trị 18.302.528,213 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2016 có giá trị 106.724.819,133 VND Công ty đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2016 có giá trị 4.879.139,143 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác	5.101.595,890	5.101.595,890
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng	5.009.287,000	5.009.287,000
Các nhà cung cấp khác	92.308,890	92.308,890
Cộng	5.101.595,890	5.101.595,890

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	31.347.563,097	31.347.563,097
Cục thuế Vĩnh Long - thuế TNDN bị truy thu (*)	281.583,674	115.114,394
Tạm ứng nhân viên	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.649.066,890	2.737,677,447
Cộng	34.278.213,661	34.200.354,938

6. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên liên quan	80.428.619,679	24.128.585,904
Công ty cổ phần Docimexco ⁽¹⁾	-	-
Dưới 01 năm	-	-
Từ 02 năm	-	-
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	80.428.619,679	24.128.585,904
Các tổ chức và cá nhân khác	26.337.372,396	5.370.495,253
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	26.337.372,396	5.370.495,253
Dưới 01 năm	-	-
Từ 01 đến dưới 03 năm	27.063.447,721	9.465.433,257
Cộng	106.761.059,251	34.200.354,938

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	303.094.517	Số cuối kỳ	1.112.584.638
Sửa chữa lớn TSCĐ	62.096.571		36.678.880
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.181.816		7.823.334
Cộng	303.094.517		1.112.584.638

9.

Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 37.228.733.724 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Trong đó:	Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	Giá trị hao mòn	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Khấu hao trong kỳ	Số cuối kỳ	Giá trị còn lại	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Quyền sử dụng đất	16.132.049,975	16.132.049,975			92.562.000	92.562.000	92.562.000	135.313.314	10.178.040	145.491.354	15.996.736,661	15.986.558,621
Chương trình phần mềm	92.562.000	92.562.000			92.562.000	92.562.000	92.562.000	10.178.040	10.178.040	238.053.354	15.996.736,661	15.986.558,621
Cộng	16.224.611,975	16.224.611,975			92.562.000	92.562.000	92.562.000	227.875.314	20.178.040	238.053.354	15.996.736,661	15.986.558,621

11.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là quyền sử dụng đất mua đang làm thủ tục chưa hoàn thành.

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo số sách là 14.019.635.266 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.	Giá trị còn lại	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.996.736,661	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là quyền sử dụng đất mua đang làm thủ tục chưa hoàn thành.	15.986.558,621	-	-

12.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí lệch tạm thời được khấu trừ	208.271.520	(71.974.940)	136.296.580
Trợ cấp thời việc	208.271.520	(71.974.940)	136.296.580

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong kỳ	5.898.377.630	5.362.161.482
6.106.649.150	(608.191.088)	-	5.498.458.062
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng			

Tuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận
 Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2014, năm 2015 với số tiền là 154.047.183.268 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2014	Năm 2015	Cộng
75.226.100.223	78.821.083.045	154.047.183.268

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tới đã không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Phải trả các nhà cung cấp khác	Doanh nghiệp tư nhân Minh Tân	36.245.000	295.000
Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Nguyễn Long	Vĩnh Long	295.000	-
Cộng		36.540.000	295.000

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Trả trước của các khách hàng khác	Công ty TNHH Hợp Lực	3.200.001.000	-
Công ty TNHH kho vận Long Nguyễn	Võ Văn Thi	1.401.283.000	64.700.000
Cộng		4.601.284.000	64.700.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CẢO TẠI CHỖ NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Số phải nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	85.113.731 (217.977.506)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.216.522	43.581.825 (38.849.416)	16.948.931	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.164.659.372 (1.209.933.628)	-	45.274.256
Các loại thuế khác	270.142.565	30.166.930 (300.309.495)	-	-
Cộng	415.222.862	1.323.521.858 (1.767.070.045)	16.948.931	1.081.426.148

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0%
- Gạo, tấm (bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng) 5%
- Hàng hóa bán ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính thuế 10%
- Kinh doanh các mặt hàng siêu thị, thanh lý tài sản

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Lấy kê từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
16.472.668.378	(69.133.729.286)
1.390.150.425	464.813.548
(265.205.826)	(202.125.869)
(15.347.723.779)	(68.871.041.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp chịu thuế của hoạt động kinh doanh chính	(42.009.453.894)
Thuế thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	(26.861.587.713)
1.842.536.504	2.750.007.500
-	-
17.190.260.283	(71.621.049.107)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CAO TẠI CHỖ CHỈNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lấy kê từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính	(17.190.260.283)
Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-
	(26.861.587.713)
	22%

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Trên thuế đất
 Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 14.529,2 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuế theo thông báo nộp tiền thuế đất hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất
 Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác
 Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. **Phải trả người lao động**
 Là tiền lương còn phải trả người lao động.

17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

Phải trả các tổ chức khác
 Chi phí lai vay phải trả

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
19.904.122.034	11.494.942.528
19.904.122.034	11.494.942.528

18. **Phải trả ngắn hạn khác**
Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác
 Có tức phải trả
 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
417.516.000	417.516.000
369.516.000	369.516.000
48.000.000	48.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác			
Cổ tức phải trả			
Các khoản phải trả ngân hàng khác			
417.516.000		417.516.000	
369.516.000		48.000.000	
417.516.000		417.516.000	

(i) Do các đối tượng này không yêu cầu thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngân hàng

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngân hàng

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Vay và nợ thuê tài chính ngân hàng			
Vay và nợ thuê tài chính ngân hàng			
Phát triển Nguyễn Kim ^(v)			
2.000.000.000		2.000.000.000	
Vay Công ty cổ phần Dầu tu và Phát triển Nguyễn Kim ^(v)			
2.000.000.000		2.000.000.000	
Vay ngân hàng hạn trả các tổ chức khác			
169.134.569.975		177.599.875.344	
Vay ngân hàng hạn trả			
169.134.569.975		177.599.875.344	
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾			
48.450.000.000		48.700.000.000	
Vay Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾			
82.444.429.975		84.741.454.000	
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾			
25.000.000.000		25.000.000.000	
Vay Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long			
-		4.979.296.244	
Vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang ^(iv)			
13.240.140.000		14.179.125.100	
Vay ngân hàng tổ chức khác			
-		-	
171.134.569.975		177.599.875.344	

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7% - 8%/năm, thời hạn vay 04 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhân nợ, thời hạn vay từ 02 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản công nợ phải thu ngân hàng của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.9 và V.10).

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10) và thế chấp khoản công nợ phải thu ngân hàng của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

(v) Khoản vay Công ty cổ phần Dầu tư và Phát triển Nguyễn Kim để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giấy chứng nhận góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long (xem thuyết minh V.2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngân hàng trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	177.599.875.344	-	29.565.100	(8.494.870.469)
Vay ngân hàng khác	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	177.599.875.344	2.000.000.000	29.565.100	(8.494.870.469)

19b. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gốc	Cộng	Lãi
Lãi	Cộng	Gốc
Cộng	Lãi	Cộng

Vay									
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (*)	13.240.140.000	13.240.140	13.253.380.140	14.179.125.100	11.028.209	14.190.153.309			
Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*)	82.444.429.975	9.345.341.931	91.789.771.906	84.741.454.000	5.424.584.569	90.166.038.569			
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long (*)	-	-	-	4.979.296.244	11.618.358	4.990.914.602			
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh An Giang (**)	25.000.000.000	4.766.878.060	29.766.878.060	25.000.000.000	3.143.439.072	28.143.439.072			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (**)	48.450.000.000	5.750.661.903	54.200.661.903	48.700.000.000	2.904.272.320	51.604.272.320			
Cộng	169.134.569.975	19.876.122.034	189.010.692.009	177.599.875.344	11.494.942.528	189.094.817.872			

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Khoản vay này chưa được thanh toán do đã được gia hạn nợ.

(**) Khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có lương tiền để thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số cuối kỳ	Số đầu năm
49.532.004	49.532.004
48.842.004	690.000
690.000	48.842.004
49.532.004	49.532.004

Quỹ khen thưởng
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	Số dư đầu năm nay	Lợi nhuận trong kỳ	Số dư cuối kỳ trước	Số dư cuối kỳ này
119.599.820.000	119.599.820.000	-	119.599.820.000	119.599.820.000
37.281.400.080	37.281.400.080	-	37.281.400.080	37.281.400.080
(88.305.926.335)	(161.168.869.474)	(17.080.859.466)	(157.558.938.087)	(178.249.728.940)
68.575.293.745	(4.287.649.394)	(17.080.859.466)	(677.718.007)	(21.368.508.860)
(69.161.011.752)	(92.000.000)	(92.000.000)	(92.000.000)	(92.000.000)
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
37.281.400.080	37.281.400.080	(92.000.000)	(157.558.938.087)	37.281.400.080
119.599.820.000	119.599.820.000	(92.000.000)	(157.558.938.087)	119.599.820.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số dư cuối kỳ trước	Số dư cuối kỳ này

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Số cuối kỳ	Số đầu năm
47.840.000.000	47.840.000.000
27.928.640.000	27.928.640.000
43.831.180.000	43.831.180.000
119.599.820.000	119.599.820.000

Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực Miền Nam
Công ty cổ phần Dầu tư và Phát triển Nguyễn Kim
Các cổ đông khác

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	VND	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	-
Công ty cổ phần Dầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	-
Các cổ đông khác	43.831.180.000	36,65	43.831.180.000	-
Cộng	119.599.820.000	100,00	119.599.820.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
11.959.982	11.959.982	11.959.982	-	11.959.982	11.959.982	-
11.959.982	11.959.982	11.959.982	-	11.959.982	11.959.982	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoại Bảng cần đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tới thời điểm trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

Số cuối kỳ	Số đầu năm
384.843.522	296.849.389
1.539.374.088	1.187.397.556
11.098.241.379	8.747.959.286
13.022.458.989	10.232.206.231

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 14.529,20 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

22b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 3.872,39 USD (số đầu năm là 20.124,38 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ia. Tổng doanh thu

Năm nay	Năm trước
8.834.721.233	122.911.205.629
1.629.807.050	4.760.023.011
49.370.540	1.047.101.210
10.513.898.823	128.718.329.850

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Doanh thu bán hàng hóa
Doanh thu bán thành phẩm
Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
 BẢO CẢO TẠI CHỖ GIỮ NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam	
Năm nay	Năm trước
20.936.043.845	-
101.503.600	-
71.194.200	-
16.143.995.000	-
101.604.800	-
Doanh thu xuất khẩu thủy sản gạo	
Công ty Lương thực phẩm An Giang	
Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)	
Công ty Lương thực Sóc Trăng	
Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)	
Công ty Lương thực Bến Tre	
Doanh thu bán hàng hóa (gạo, nếp)	
Công ty Lương thực Vĩnh Long	
Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)	

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

2. Giá vốn hàng bán

Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam	
Năm nay	Năm trước
9.010.396.562	117.856.969.854
3.551.430.171	4.652.479.678
(1.953.251.278)	-
10.608.575.455	122.509.449.532
Giá vốn của hàng hóa đã bán	
Giá vốn của thành phẩm đã bán	
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
Công ty	

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty	
Năm nay	Năm trước
11.233.401	47.655.555
9.868.849	40.246.118
1.842.536.504	2.750.007.500
334.527.689	878.815.372
1.123.301	165.000.000
2.199.289.744	3.881.724.545
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	
Công ty	

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

4. Chi phí tài chính

Công ty	
Năm nay	Năm trước
8.892.909.341	12.624.555.238
2.500.000.000	-
11.139.623	717.255.960
29.214.361	398.383.495
(609.139.012)	154.941.564
Chi phí lãi vay	
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TẠI CHỖ NIÊN ĐÓ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
10.824.124,437	124
13.940.798,320	45.662,063

Chi phí tài chính khác

Cộng

5. Chi phí bán hàng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
609.039,503	-
11.710,048	229.960,005
126.165,167	117.819,215
464.784,172	5.357.902,092
11.710,048	142.568,137
609.039,503	8.531,921,666

Chi phí vật liệu bao bì

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Cộng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
7.078.443,045	3.961.100,848
898.775,885	7.127,429,447
366.741,929	129.094,347
(1.713.622,421)	147.814,392
217.362,743	975.045,949
3.200.269,669	302.228,825
366.741,929	19.493,278,534
898.775,885	786.417,668
7.078.443,045	1.431.267,085

Chi phí cho nhân viên

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thuế, phí và lệ phí

Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Các chi phí khác

Cộng

7. Thu nhập khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
3.203,400	-
-	14.666,121
3.104,660	1.675,522,000
6.308,060	732.923,294
6.308,060	2.423.111,415

Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ

Thu tiền hỗ trợ lãi suất theo chủ trương của Chính

phụ

Thu nhập khác

Cộng

8. Chi phí khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
28.201,656	-
15.990,909	26.598,032,143
15.990,909	3.323,814
28.201,656	560.000,000

Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thuế bị phạt, bị truy thu

Chi phí môi giới



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
-	990.000.000
27.790.000	704.017.313
<u>71.982.565</u>	<u>28.855.373.270</u>

Tiền phát vì phạm hợp đồng

Chi phí khác

Cộng

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
608.191.088	27.282.466
<u>608.191.088</u>	<u>27.282.466</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại

lãi

Cộng

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10a. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phải thông hoặc giao dịch cổ phiếu phải thông tăng năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
154.194.508	150.991.190.855
3.981.927.848	7.629.200.750
3.696.555.461	6.747.279.581
809.784.021	4.825.594.443
(803.136.488)	21.290.298.124
<u>7.839.325.350</u>	<u>191.483.563.753</u>

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác

Cộng

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU

CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

Trong kỳ, Công ty đã mua một số tài sản cố định bằng cách nhận nợ trị giá 1.790.843.636 VND.

2. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

3. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2016 có giá trị 106.724.819.133 VND Công ty đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2016 có giá trị 4.879.139.143 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện và hi vọng sẽ được thanh toán.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty đã thực hiện vụ kiện Công ty TNHH Vĩnh Long về khoản thuê thu nhập doanh nghiệp bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao về khoản thuê thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản thuê bị truy thu này để làm kết thúc kỳ kế toán này, vẫn chưa có phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao về khoản thuê thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này. Nếu như Tòa án nhân dân tối cao ra phán quyết Công ty thắng vào chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Nếu như Tòa án nhân dân tối cao ra phán quyết Công ty thắng kiện thì Công ty sẽ thu hồi lại tiền thuê bị truy thu này, trường hợp ngược lại Công ty phải ghi nhận khoản thuê bị truy thu vào chi phí của Công ty.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Công ty không nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	431.200.000	785.900.000
Phụ cấp	1.725.000	1.725.000
Cộng	432.925.000	787.625.000

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty liên kết

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty con của cổ đông lớn

Công ty TNHH Lương thức Kiên Nông

Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long

Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thức Miền Nam

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim

Công ty Lương thức thực phẩm An Giang

Công ty Lương thức Sóc Trăng

Công ty Lương thức Bến Tre

Công ty Lương thức Long An

Công ty Lương thức Bạc Liêu

Công ty Lương thức Đồng Tháp

Công ty Lương thức Trà Vinh

Công ty Lương thức Vĩnh Long

Công ty Lương thức Sông Hậu

Công ty TNHH MTV Lương thức TP. Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau

Công ty cổ phần Docimexco

Công ty con của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác
Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con và công ty liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thức Miền Nam

Thu tiền bán hàng

241.840.368

Phí ủy thác xuất khẩu

-

Phí giao nhận hàng hóa

139.760.000

Công ty cổ phần Docimexco

Bù trừ công nợ

7.511.255.000

Thu nợ bằng tài sản

1.790.843.636

Thu nợ bằng phí bảo hiểm xe ô tô

9.072.727

Thu tiền hàng

56.250.000

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim

Thu tiền từ Nguyễn Kim

5.000.000.000

Bù trừ công nợ cho Docimexco

5.000.000.000

Vay tiền

2.000.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.19a.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giam giữ	Chưa quá hạn nhưng bị giam giữ	Đã quá hạn nhưng không bị giam giữ	Đã quá hạn và/hoặc bị giam giữ	Cộng
Số cuối kỳ	3.030.660.781	11.250.882	117.109.725.957	33.996.629.987	4.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.660.781	-	117.109.725.957	33.996.629.987	4.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	10.343.733.882	-	106.765.992.075	-	117.109.725.957
Các khoản phải thu khác	33.823.470.941	-	-	-	33.996.629.987
Tài sản tài chính sẵn sàng	1.500.000.000	2.500.000.000	-	-	4.000.000.000
đề bản	48.697.865.604	2.511.250.882	173.159.046	106.765.992.075	158.148.267.607
Số đầu năm	4.535.423.688	11.250.882	-	-	4.535.423.688
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.535.423.688	-	-	-	4.535.423.688
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	5.585.574.250	-	114.844.804.000	-	120.430.378.250
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	33.912.081.498	-	173.159.046	-	34.085.240.544
Tài sản tài chính sẵn sàng	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
đề bản	45.533.079.436	10.011.250.882	173.159.046	114.844.804.000	170.562.293.364
Cộng	45.533.079.436	10.011.250.882	173.159.046	114.844.804.000	170.562.293.364

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	-	173.159.046
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	173.159.046	-
Cộng	173.159.046	173.159.046

5b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biên pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Từ 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ	36.540.000	171.134.569.975	681.482.899	192.174.230.908
Phải trả người bán	36.540.000	171.134.569.975	681.482.899	192.174.230.908
Vay và nợ khác	20.321.638.034	-	-	21.003.120.933
Cộng	191.492.748.009	-	681.482.899	192.174.230.908

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trước	Tên 1 năm	Tên 5 năm	Tên 5 năm	Công
Số đầu năm	295.000	-	-	-	295.000
Phải trả người bán	181.445.149.449	-	-	-	181.445.149.449
Vay và nợ	11.912.458.528	-	-	-	12.859.147.253
Các khoản phải trả khác	193.357.902.976	-	-	-	194.304.591.701
Công					946.688.725
					194.304.591.701

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tuy nhiên, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các danh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc danh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Số đầu năm
USD	USD
3.872,39	20.124,38
-	10.777,20
(1.478.255,00)	(1.609.165,00)
(1.474.382,61)	(1.578.263,42)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ

Vay và nợ

Phải thu khách hàng

Tiền và các khoản tương đương tiền

USD

USD

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long
BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giá định các biên số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm/tăng 664.061.928 VND (năm trước giảm/tăng 708.892.797 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và có định phí hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
VND	USD	VND	USD
-	-	3.300.000.000	-
(138.100.000.000)	(1.478.255,00)	(177.599.875.344)	(1.609.165,00)
(138.100.000.000)	(1.478.255,00)	(174.299.875.344)	(1.609.165,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần			

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giá định các biên số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm/tăng 2.762.000.000 VND (năm trước giảm/tăng 3.485.997.507 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.240.500 VND (số đầu năm là 1.240.500 VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

5d.

Tài sản đảm bảo

Tại sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và Ngân hàng TMCP An Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.3), Giá trị số sách của tài sản thể chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 109.063.587,464 VND (số đầu năm là 116.977.132,291 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thể chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thể chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào vì khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi số

Số cuối kỳ	Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng	Số cuối kỳ
158.148.267,607	(77.710.328,695)	170.562.293,364	(80.218.162,526)	80.437.938,912	90.344.130,838
4.000.000,000	(433.407,395)	11.500.000,000	(1.227,618,805)	3.566.592,605	10.272.381,195
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.660,781	-	4.535.423,688	-	3.030.660,781
Chứng khoán kinh doanh	11.250,882	(10.010,382)	11.250,882	(10.010,382)	1.240,500
Phải thu khách hàng	117.109,725,957	(77.266,910,918)	120.430,378,250	(78.980,533,339)	41.449,844,911
Các khoản phải thu khác	33.996,629,987	-	34.085,240,544	-	34.085,240,544
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.000.000,000	(433.407,395)	11.500.000,000	(1.227,618,805)	3.566.592,605
Cộng	158.148.267,607	(77.710.328,695)	170.562.293,364	(80.218.162,526)	90.344.130,838

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi số

Số cuối kỳ	Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
36.540,000	295,000	295,000	36.540,000	295,000	
Phải trả người bán	171.134,569,975	177.599,875,344	171.134,569,975	177.599,875,344	
Vay và nợ khác	21.003,120,933	12.859,147,253	21.003,120,933	12.859,147,253	
Cộng	192.174,230,908	190.459,317,597	192.174,230,908	190.459,317,597	

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn được ước tính theo giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ước tính theo giá trị thị trường của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch công bố 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC THỨC PHẠM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

7.

Thông tin về hoạt động liên tục

Kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty tiếp tục bị lỗ 17.080.859.466 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 178.249.728.940 VND. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 109.982.626.217 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đã làm việc với các ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay và các cổ đông cùng các bên có liên quan của Công ty cũng cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu và hàng hóa cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

8.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biên

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng

Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc



Vinh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	56.130.722.215	57.320.747.814	4.141.045.409	307.651.169	117.900.166.607
Tăng do nhận bàn giao tài sản để cần trừ nợ	-	-	1.790.843.636	-	1.790.843.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.364.114.545)	-	(1.364.114.545)
Số cuối kỳ	<u>56.130.722.215</u>	<u>57.320.747.814</u>	<u>4.567.774.500</u>	<u>307.651.169</u>	<u>118.326.895.698</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.629.904.828	4.920.024.594	746.928.000	248.490.565	7.545.347.987
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.793.872.298	37.141.812.451	2.575.318.409	303.907.882	64.814.911.040
Khấu hao trong kỳ	1.323.072.948	2.143.947.553	215.613.633	3.743.287	3.686.377.421
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.203.400)	-	(3.203.400)
Số cuối kỳ	<u>26.116.945.246</u>	<u>39.285.760.004</u>	<u>2.787.728.642</u>	<u>307.651.169</u>	<u>68.498.085.061</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.336.849.917	20.178.935.363	1.565.727.000	3.743.287	53.085.255.567
Số cuối kỳ	<u>30.013.776.969</u>	<u>18.034.987.810</u>	<u>1.780.045.858</u>	<u>-</u>	<u>49.828.810.637</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	8.031.627.941	6.990.860.245	242.097.842	-	15.264.586.028

Vinh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
 Người lập

Phan Ngọc Bình
 Kế toán trưởng

Trần Thanh Hùng
 Tổng Giám đốc